

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **68** /SKHĐT-ĐKKD

Bắc Kạn, ngày **18** tháng 01 năm 2019

V/v đăng tải Dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi: Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-HĐND ngày 06/11/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc Ban hành hệ thống quy trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021.

Căn cứ kết luận tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 01 năm 2019 (*mở rộng*) và Thông báo số 05/TB-HĐND ngày 14 tháng 01/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo “Nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”.

Để đảm bảo trình tự và thời gian ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh đăng tải bản Dự thảo về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến theo quy định (có dự thảo Nghị quyết kèm theo)./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy + bản điện tử

- Như kính gửi;
- Lưu VT, ĐKKD.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Công Hòa



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

SỐ 2019/NQ-HĐND

(DỰ THẢO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN **KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /3/2019 của UBND tỉnh về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số: /BC-HĐND ngày /3/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng:

- Các doanh nghiệp nhận ưu đãi và hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

3. Nguyên tắc và cơ chế hỗ trợ:

Thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

4. Các chính sách hỗ trợ:

4.1. Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

* Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất cho vay thương mại của các ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

* Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ:

- Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, có hoạt động cho vay các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

- Mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

* Thời gian hỗ trợ lãi suất đối với từng khoản vay tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

- Tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư.

- Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.

- Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

* Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

* Phương thức hỗ trợ:

Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ.

Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

* Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất:

Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất được bố trí từ ngân sách tỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị quyết này.

4.2. Hỗ trợ đầu tư trồng cây dược liệu:

* Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng cây dược liệu được hỗ trợ như sau:

- Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 05ha trở lên đến dưới 10ha: Hỗ trợ 25 triệu đồng/ha chi phí cây giống.

- Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 10ha trở lên: Ngoài hỗ trợ chi phí giống 25 triệu đồng/ha, được hỗ trợ 60% tổng mức đầu tư nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong và ngoài hàng rào dự án.

4.3. Hỗ trợ đầu tư trồng rau, củ, quả:

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng rau, củ, quả theo hướng nông nghiệp hữu cơ có quy mô diện tích tập trung từ 03ha đất canh tác trở lên, hoặc 2.000m² trở lên đối với diện tích nhà trồng cây (nhà kính, nhà lưới) xây kiên cố được hỗ trợ 60% tổng mức đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng giao thông, điện, xử lý chất thải, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống nhà lưới, nhà kính và các trang thiết bị đi kèm như tưới nước tiết kiệm, điều chỉnh nhiệt độ... trong và ngoài hàng rào dự án.

4.4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản nông sản

* Các doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học) được ngân sách nhà nước hỗ trợ hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng không quá 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị.

* Điều kiện hỗ trợ:

- Công suất cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, lâm sản phải đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày.

- Bảo quản rau, hoa quả tươi, chè và các nông sản sấy đạt 500 tấn kho.

4.5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến nông sản

* Các doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản (sản phẩm từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư và không quá 3 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong và ngoài hàng rào dự án.

* Điều kiện hỗ trợ: Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

4.6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (bò, lợn, dê) tập trung

* Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung được nhà nước hỗ trợ 60% tổng mức đầu tư nhưng không quá 3 tỷ đồng/dự án để xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, cấp thoát nước, nhà xưởng, xử lý chất thải trong và ngoài hàng rào dự án.

* Điều kiện hỗ trợ:

- Dự án có quy mô chăn nuôi tập trung: Đối với bò từ 300 con trở lên; đối với lợn từ 1.000 con trở lên; đối với dê từ 500 con trở lên.

- Phù hợp quy hoạch chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung được UBND tỉnh phê duyệt hoặc phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới, thực hiện phương án bảo vệ môi trường theo quy định.

4.7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

Các doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, có hệ thống quản lý chất thải rắn và lỏng theo đúng quy định được hỗ trợ 60% tổng mức đầu tư nhưng không quá 2 tỷ đồng/dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

5. Các chính sách hỗ trợ khác:

Ngoài chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều này, các chính sách hỗ trợ còn lại quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ được tính hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh đối với các dự án không được ngân sách trung ương hỗ trợ hoặc hỗ trợ chưa đủ theo chính sách.

6. Nguồn vốn thực hiện:

Ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% chi ngân sách tỉnh (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) hàng năm cho ngành nông nghiệp để thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và sở, ngành liên quan dự kiến mức vốn ngân sách tỉnh từ nguồn chi đầu tư phát triển hàng năm và trung hạn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức vốn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ hàng năm và trung hạn của tỉnh.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và sở, ngành liên quan dự kiến mức vốn ngân sách tỉnh từ nguồn chi thường xuyên hàng năm và 05 năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức vốn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ hàng năm và 05 năm của tỉnh.

7. Cơ chế thực hiện chính sách:

* Nguồn vốn thực hiện các nội dung hỗ trợ:

- Nguồn chi đầu tư phát triển hàng năm và trung hạn ngân sách tỉnh để hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Điểm 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7 Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết này.

- Nguồn chi thường xuyên hàng năm và 05 năm ngân sách tỉnh để hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Điểm 4.1 Khoản 4; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết này.

* Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ sau đầu tư: Khi hạng mục của dự án hoàn thành và nghiệm thu thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục đầu tư; sau khi dự án hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sản xuất, kinh doanh thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

Đối với chính sách hỗ trợ quy định tại Điểm 4.1 Khoản 4 Điều này, được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

* Phần vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh không tính vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành:

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày ... tháng 4 năm 2019, có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Các doanh nghiệp có dự án đang thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đáp ứng quy định ưu đãi, hỗ trợ tại Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của HĐND tỉnh thì tiếp tục được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của HĐND tỉnh hoặc theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Các Bộ: TP, TC, KHĐT, NN&PTNT;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT huyện ủy, thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Lưu VT, HS;

CHỦ TỊCH